

Bản án số: 11/2018/HS-ST  
Ngày 05-3-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Xuân Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Cường.

2. Ông Lê Quang Phương. Nghề nghiệp: Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Thủy Bằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Trọng Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Thúc T (Tên gọi khác: H), sinh ngày 10 tháng 4 năm 2000 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 02, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thúc H và bà Trần Thị T; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

2. Hồ Đăng Quốc H (Tên gọi khác: L), sinh ngày 14 tháng 12 năm 1999 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 02, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Đăng Quốc T và bà Hoàng Thị Lan P; Vợ, con: chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: không, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

**- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:**

1. Ông Lê Thúc H, sinh năm 1968; nghề nghiệp: Làm nông và bà Trần Thị T, sinh năm 1975; nghề nghiệp: Buôn bán; nơi cư trú: Tổ 02, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, là cha mẹ của bị cáo Lê Thúc T. Ông H, bà T đồng

thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Ông H có mặt; bà T vắng mặt.

2. Ông Hồ Đăng Quốc T, sinh năm 1975; nghề nghiệp: Đi xe thồ và bà Hoàng Thị Lan P, sinh năm 1980; nghề nghiệp: Buôn bán; nơi cư trú: Tổ 02, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, là cha mẹ của bị cáo Hồ Đăng Quốc H. Ông T vắng mặt; bà P có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Phước H, Trợ giúp viên pháp lý - Công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế bào chữa cho bị cáo Lê Thúc T. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 02, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Lưu Đình Th, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 2, khu vực 1, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Nguyễn A, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2001. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng: Bà Lê Thị H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 02, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế là mẹ đẻ của người làm chứng. Có đơn xin vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/6/2017, Hồ Đăng Quốc H rủ Lê Thúc T đến nhà Nguyễn A để đòi tiền nợ, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75H1-05429 (Xe của ông Lê Thúc H là cha của T) chở H đến nhà A. Khi đến nhà A, H đứng trước cổng và nhờ T đi vào nhà tìm A. T đi vào nhà A thì thấy A đang ngủ trên giường, bên cạnh để 01 điện thoại di động hiệu OPPO thuộc sở hữu của bà Lê Thị H. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nên lén lút đi đến vị trí A đang ngủ lấy điện thoại. T đi ra cổng gặp H và nói với H: “Tau lấy được điện thoại của thằng A nì”, H trả lời: “Lên câu Khò Rèn bán”, T đáp: “Tau có chỗ ni bán gần hơn”. Sau đó, T, H đưa điện thoại đến cửa hàng mua bán điện thoại “Hưng Thịnh Mobile” ở phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế gặp anh Lưu Đình T, bán với số tiền là 1.500.000 đồng. T chia cho H số tiền 200.000 đồng, số tiền còn lại T giữ tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy số: 66/HĐ-ĐG ngày 19/7/2017 đã kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 có giá trị 3.224.000 đồng (Ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án đã thu giữ được gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 75H1-05492, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37. Hiện cơ quan Điều tra Công an thị xã Hương Thủy đã trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự. Anh Lưu Đình T yêu cầu bồi thường số tiền là 1.500.000 đồng, hiện bị cáo Lê Thúc T cùng gia đình đã bồi thường đầy đủ số tiền trên cho anh T.

Cáo trạng số 06/QĐ/KSĐT ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Thúc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Hồ Đăng Quốc H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay cũng như lời khai của những người tham gia tố tụng khác, thấy rằng: Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 73 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 250, các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 73 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo H từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Không có ai có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Thúc T: Thống nhất về tội danh Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội đối với bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 73 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo H: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hiện bị cáo đang bị bệnh ác tính, đang điều trị bệnh tại Bệnh viện Trung ương Huế.

Ý kiến của bị hại: Bà Lê Thị H có đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thiệu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo T thấy rằng: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/6/2017, tại nhà bà Lê Thị H ở tổ 02, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo Lê Thúc T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A37 của bà Lê Thị H, theo kết luận của Hội đồng định giá thì chiếc điện thoại nói trên có giá trị là 3.224.000 đồng. Vì vậy, bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo Thiệu về tội danh và đề nghị áp dụng khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét hành vi của bị cáo H, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Hồ Đăng Quốc H biết chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A37 là do bị cáo Lê Thúc T phạm tội mà có nhưng vẫn có hành vi giúp sức, cùng T đưa tài sản đi bán nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, được quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; làm mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Xét các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đã bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị

cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Xét các căn cứ quyết định hình phạt cũng như xét bị cáo T là người dưới 18 tuổi, bị cáo H hiện nay đã đủ 18 tuổi, tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo H dưới 18 tuổi, do đó cần áp dụng Điều 69 và Điều 73 Bộ luật hình sự năm 1999, quyết định hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với cả hai bị cáo. Về mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất hành vi của từng bị cáo.

[6] Xét các bị cáo tại thời điểm phạm tội đều là người dưới 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Đối với anh Lưu Đình T khi mua điện thoại di động hiệu OPPO A37, không biết đây là tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có, ông Lê Thúc H, không biết bị cáo T sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 75H1-05429 vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm hình sự.

[8] Về bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có ai yêu cầu về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 75H1-05492, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 cho các chủ sở hữu, tại phiên tòa hôm nay không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thúc T (Tên gọi khác: H) phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Hồ Đăng Quốc H (Tên gọi khác: L) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 ( Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015); các điểm b, g, h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; 69 và Điều 73 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Thúc T;

Căn cứ khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 69, Điều 73 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hồ Đăng Quốc H.

Xử phạt: - Bị cáo Lê Thúc T (Tên gọi khác: H) 09 ( Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Hương Thủy nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Bị cáo Hồ Đăng Quốc H 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Hương Thủy nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thúc T, Hồ Đăng Quốc H cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử: Buộc các bị cáo Lê Thúc T, Hồ Đăng Quốc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Cơ quan Điều tra CA thị xã Hương Thủy;
- CC THAHS thị xã Hương Thủy;
- CC THADS thị xã Hương Thủy;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL,NVLQĐVA
- Lưu dân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Xuân Huế**

